

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC TRÍ*

Abstract: Professional orientation is the result of 4 stages of counseling, essential of stage of students who get acquainted with the occupations and organizes occupation selection. Articulation between the general education and the vocational education is one of education renovation tendencies of countries; the author brings up the solutions to counseling and vocational education in the general education.

Keywords: Counseling, professional orient; articulation; solutions counseling and vocational education in the general education.

Định hướng nghề nghiệp (ĐHNN) là kết quả 4 giai đoạn của hướng nghiệp (HN), chủ yếu giai đoạn cho học sinh (HS) làm quen và tổ chức chọn nghề. Sự liên thông giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp là một trong những xu thế cải tổ giáo dục của các nước và nước ta.

Bài viết này nêu các giải pháp HN, dạy nghề trong giáo dục phổ thông.

1. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (GDHN)

Cấu trúc GDHN trong trường phổ thông gồm có 4 thành phần: 1) Cho HS làm quen với các ngành nghề của nền kinh tế quốc dân và với các nghề phổ biến; 2) Tổ chức các hoạt động nhằm chuẩn bị cho HS chọn nghề; 3) Tiến hành tư vấn nghề cho HS; 4) Nghiên cứu HS (trước hết nghiên cứu nhân cách nghề nghiệp). Các thành phần cấu trúc đó gắn bó chặt chẽ, bổ sung cho nhau, bảo đảm tính liên tục của các giai đoạn HN. Như vậy, HN đề cập ở đây đã vượt ra khỏi phạm vi nhà trường phổ thông, liên quan đến cả tuyển chọn nghề, thích ứng nghề và hơn nữa, cả tư vấn và dịch vụ việc làm.

HN ở bình diện cá nhân là hệ thống các giải pháp về tâm lí học, xã hội học, giáo dục học, y học, KT-XH... nhằm giúp con người chọn nghề phù hợp với nhu cầu xã hội, phù hợp với nguyện vọng và năng lực bản thân, HN được thực hiện cả trong nhà trường và ngoài nhà trường. Xuất phát từ bản chất giáo dục của HN, cấu trúc HN trong trường phổ thông và các thành phần cấu trúc của nó phải nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ: hình thành nhân cách nghề nghiệp (tức là hứng thú nghề, khuyến hướng và động cơ nghề nghiệp đúng) cho HS; trên cơ sở đó giúp họ chọn nghề phù hợp.

Ở bình diện xã hội, HN góp phần quan trọng phát triển nguồn nhân lực cho xã hội phù hợp về cơ cấu và được sử dụng có hiệu quả, do đó đây là vấn đề xã hội và được nhiều ngành quan tâm và cùng tham gia.

Trong trường trung học, hoạt động GDHN mới chỉ có một số môn học có tính chất làm quen với một số hoạt động có tính chất lao động về sau, được dạy trong chương trình chính khóa hay như là một hoạt động dạy nghề phổ thông đơn giản. Trong các hoạt động GDHN, giáo viên (GV) sẽ tổ chức cho HS hoạt động theo nhiều hình thức: giới thiệu chung, hoạt động theo nhóm, theo chủ đề, tham quan, nghe giới chuyên môn trao đổi... Nội dung bao gồm nhiều lĩnh vực: ĐHNN, giới tính sức khỏe trong chọn nghề, khái quát các nghề theo lĩnh vực, khái quát về hệ thống đào tạo từ trung ương đến địa phương... Trong khi đó, GV phụ trách các hoạt động này chỉ được tập huấn trong khoảng thời gian rất ngắn; hầu hết theo phân công của nhà trường, không được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ đầy đủ, có hệ thống (chưa kể nhiều GV được phân công phụ trách hoạt động HN là do yêu cầu sắp xếp lại nhân sự trong nhà trường chứ không phải vì kiến thức chuyên môn). Nhiều GV phụ trách GDHN rất lúng túng khi triển khai hoạt động giảng dạy, vì các hình thức dạy môn học này khác xa với các tiết dạy văn hoá bình thường và không phải GV nào cũng có kĩ năng tổ chức tiết học hiệu quả. Có trường thì tổ chức sinh hoạt theo lớp (1 buổi/tháng), có GV phụ trách; có trường ghép nhiều lớp; cũng có trường giao về cho chủ nhiệm lớp.

* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Về phía HS, do hoạt động GDHN chỉ là phần học ngoại khóa, không tính điểm, nên các em cũng xem như là “cưỡi ngựa xem hoa”, không coi trọng.

2. Định hướng nghề nghiệp

Như trên đã nêu, ĐHNN là kết quả của 4 giai đoạn của HN, chủ yếu của giai đoạn cho HS làm quen với các ngành nghề và tổ chức các hoạt động nhằm chuẩn bị cho HS chọn nghề. Việc thông tin cho HS về đặc điểm hoạt động và yêu cầu phát triển của các nghề trong xã hội, đặc biệt là những nghề và những nơi đang cần nhiều lao động trẻ tuổi có văn hóa, về yêu cầu tâm sinh của mỗi nghề, về tình hình phân công và yêu cầu điều chỉnh lao động ở cộng đồng dân cư, về hệ thống trường lớp đào tạo nghề của nhà nước, tập thể và tư nhân, về thị trường lao động.

2.1. Nhận thức của HS về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc tham gia hoạt động HN:

- Với kết quả đánh giá một cách tổng quan, có thể thấy rằng, HS trung học nhận thức tương đối rõ về tầm quan trọng của việc chọn nghề và chọn nghề cho bản thân. Hơn ai hết, các em đã và đang tự ý thức được ý nghĩa của việc chọn nghề đối với cuộc sống trong tương lai, chứ không còn cảnh “nước đến chân mới nhảy” hoặc không có những định hướng ban đầu về việc chọn nghề. Bên cạnh đó, cũng có thể thấy, việc chọn nghề cho HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông hiện nay đang trở thành một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của chính các em và của toàn xã hội, nhằm đẩy lùi tình trạng “chọn sai nghề” gây lãng phí thời gian, nhân lực...

- Việc tham gia các hoạt động HN là rất cần thiết với các HS trung học. Nhưng, thực trạng công tác HN với các loại hình hoạt động như tư vấn, trắc nghiệm,... còn quá “mỏng”, chưa thực sự phân bố đồng đều đến tất cả HS cũng như chưa được triển khai một cách mạnh mẽ, cụ thể, dựa trên tình hình thực tế cũng như từ nhu cầu của xã hội. Khi hiệu quả của những hoạt động HN đang được triển khai tại trường chưa hiệu quả hoặc các hình thức HN tại trường chưa thực sự hấp dẫn... cũng là một trong những yếu tố khiến các em có phần nghi ngại về công tác HN cũng như sự cần thiết của việc HN đối với bản thân.

2.2. Mức độ ảnh hưởng của việc ĐHNN ở nhà trường đến việc chọn nghề:

- Từ HS trung học cơ sở: những đánh giá có thể phần nào chủ quan vì các em chưa được tham gia nhiều vào các hoạt động HN cũng như chưa đến thời điểm các em phải chọn nghề một cách cấp thiết. Nhưng trong thực tế, hoạt động HN cho HS còn

quá thiếu, chưa được đầu tư một cách sâu và rộng đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc chọn nghề của các em.

- Đối với HS trung học phổ thông, qua việc được “giải tỏa” bằng một số hình thức nhất định (HN xen kẽ trong giờ học, tiết học ngoại khóa,...) cũng đã có ảnh hưởng nhất định đến quyết định chọn nghề của các em. Việc ĐHNN tại nhà trường đã bước đầu giúp các em có những hiểu biết về các loại nghề khác nhau trong xã hội, những yêu cầu, đòi hỏi về chuyên môn hoặc sức khỏe cũng như môi trường làm việc tương ứng... Tuy nhiên, nhiều HS còn khá bối rối trước cánh cửa chọn nghề, ĐHNN...

Trong đổi mới giáo dục hiện nay, hoạt động HN và giáo dục nghề nghiệp đã được chính thức đưa vào kế hoạch dạy học. Nhiều văn bản, nghị quyết, chỉ thị đã chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ phải từng bước nâng cao chất lượng công tác HN, dạy nghề cho HS phổ thông. Mỗi địa phương tùy theo nhu cầu và nguyên liệu có sẵn, dạy những nghề như: thủ công mỹ nghệ, thực hiện mô hình “Vườn - Ao - Chuồng”, chế biến nông sản sau thu hoạch... ở những vùng quê, dân tộc thiểu số... hay làm nghề điện, cơ khí... ở thành thị, để khi trở về, HS nhanh chóng hòa nhập vào cuộc sống và đóng góp vào công cuộc đổi mới ở địa phương. Về ngành nghề đào tạo, do các nguyên nhân về nhận thức, do thiếu thông tin thị trường lao động, nguồn lực đầu tư thiếu thốn và những hạn chế trong quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương, dẫn đến sự phân bố cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa bám sát với nhu cầu thị trường lao động. Một điều đáng chú ý: lĩnh vực Nông - Lâm - Ngư nghiệp có tỉ lệ HS tham gia thấp và tỉ lệ dân số ở vùng nông thôn là rất cao. Việc phân luồng không chỉ được xem xét theo các luồng về trình độ đào tạo mà cần coi trọng hơn nữa các luồng về ngành nghề đào tạo nhằm vào việc đảm bảo cơ cấu ngành nghề đào tạo hợp lý, tạo thuận lợi cho giải quyết việc làm.

Việc lựa chọn nghề nghiệp là rất quan trọng với các HS; và đối với các em, việc tham gia các hoạt động HN là cần thiết. Tuy nhiên, các hoạt động ĐHNN trong nhà trường chưa thực sự có hiệu quả nên HS còn lưỡng lự khi đánh giá về mức độ ảnh hưởng của những hoạt động này đối với việc chọn nghề cho bản thân. Đây là một thực tế mà nhà trường cần xem xét để đảm bảo hỗ trợ tốt nhất cho HS trong chặng đường chuẩn bị bước vào đời, vì đó là cột mốc cực kỳ quan trọng và cần thiết với mỗi con người, mà đặc biệt là những người trẻ tuổi với rất nhiều ước mơ, hoài bão.

3. Sự liên thông giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp

Một trong những xu thế cải tổ giáo dục của các nước là *sự liên thông giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp*. Bản *Thông điệp chung* của UNESCO và ILO năm 2001 cũng nêu lên khuyến nghị: “*Sự nhập môn công nghệ và thế giới việc làm cần được coi là một bộ phận quan trọng trong giáo dục phổ thông. Sự hiểu biết bản chất công nghệ của nền văn hóa hiện đại và những kỹ năng thực tiễn cần phải đưa vào giáo dục phổ thông. Sự nhập môn công nghệ và thế giới việc làm nên là mối quan tâm chính trong cải tổ giáo dục và dân chủ hóa giáo dục*” (1; tr 19). Một xu thế quan trọng trong việc cải tiến nội dung chương trình giáo dục phổ thông là giảm nhẹ những kiến thức kinh viện nặng nề và lỗi thời, thay vào đó cần đưa vào những nội dung thiết thực cho cuộc sống, giúp HS sớm thích ứng với cuộc sống thực tại của bản thân với sự thay đổi của xã hội, sớm có ĐHNN tương lai. Với những mục tiêu mới này, hầu hết các nước trên thế giới đã đưa vào chương trình chính khóa của giáo dục phổ thông những nội dung giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp với những mức độ khác nhau và những tên gọi khác nhau, đó là loại hình trường vừa dạy văn hóa phổ thông vừa dạy nghề, thực hành nghề chiếm một tỉ lệ cao. Ở Australia, HS trung học phổ thông học chứng chỉ 1, 2 (cơ bản - basic), nếu HN vào dạy nghề chỉ còn chứng chỉ 3, 4 là nâng cao, nếu HN vào đại học thì có chứng chỉ cơ bản 1, 2...

Ở Việt Nam có thể đưa vào chương trình trung học cơ sở các môn tự chọn bắt buộc là “*Giáo dục lao động*” với 2 tiết/tuần và “*Giáo dục nghề nghiệp*” tự chọn với 2 tiết/tuần (nông nghiệp, dịch vụ, kỹ thuật,...), đưa vào chương trình trung học phổ thông các môn, module tự chọn về kinh tế gia đình, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, tin học... Như vậy, HS trung học cơ sở và trung học phổ thông sẽ có sự tham khảo cho việc lựa chọn ngành, nghề cho bản thân và nhà trường chuẩn bị cho các em một hình thức đào tạo nghề để có thể lao động sản xuất sau khi rời ghế nhà trường.

4. Giải pháp của HN, dạy nghề trong giáo dục phổ thông

4.1. Nhu cầu nguồn nhân lực của sự nghiệp CNH, HĐH đặt ra cho công tác GDHN trong trường phổ thông nhiệm vụ ***tạo điều kiện cho HS phổ thông nắm được kiến thức, kỹ năng nghề, có ý thức chọn nghề và thái độ lao động đúng đắn***, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động theo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động ở địa phương và đất nước.

4.2. Từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả HN, dạy nghề nhằm giúp HS có được một nghề vừa phù hợp với hứng thú cá nhân, năng lực bản thân, vừa đáp ứng nhu cầu lao động và phát triển KT-XH ở địa phương.

4.3. Đa dạng hóa hình thức HN, dạy nghề nhằm thu hút HS tham gia học nghề. Ngoài dạy nghề phổ thông tại các trung tâm hoặc tại trường, cần đa dạng hóa các hình thức dạy nghề (dạy nghề ngắn hạn theo module, liên kết với các trường dạy nghề ở địa phương...). Hầu hết các ý kiến của lãnh đạo địa phương, cha mẹ HS và bản thân các em đều rất mong chủ trương này sớm được thực hiện, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa và các trường phổ thông dân tộc nội trú.

4.4. Xã hội hóa công tác HN, dạy nghề: Cần huy động các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, các tổ chức khuyến học, khuyến nghề trong nước và quốc tế... tham gia hỗ trợ, giúp đỡ cung cấp thiết bị, kinh phí, người dạy... Riêng đối với những trường ở quá xa, đi lại khó khăn thì có thể tổ chức dạy nghề HN cho HS có hoàn cảnh khó khăn theo cách thành lập tổ GV và thiết bị kỹ thuật dạy nghề lưu động, sau đó tiến hành dạy nghề theo khu vực địa bàn.

4.5. Tăng cường các điều kiện để tổ chức dạy nghề: Bổ sung kinh phí cho hoạt động HN, dạy nghề: xây dựng phòng học nghề, xưởng thực hành, mua sắm thiết bị kỹ thuật dạy nghề, tổ chức hoạt động dạy nghề. Để có đủ cơ sở vật chất và thiết bị kỹ thuật cho dạy nghề, một mặt cần tận dụng sản phẩm của các trung tâm hoặc cơ sở sản xuất tham gia dạy nghề, mặt khác các địa phương cần có sự phối hợp đầu tư cho các cơ sở HN, dạy nghề. Đội ngũ GV HN, dạy nghề cần được chuẩn bị đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, có tâm huyết và tình nguyện tham gia HN, dạy nghề. □

(1) UNESCO/ILO. **Technical and Vocational Education and Training for the XXI Century.** UNESCO/ILO Recommendation, 2001.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Danh Ánh. “*Hướng nghiệp trong trường phổ thông*”. *Tạp chí Giáo dục*, số 42, tháng 10/2002
2. Nguyễn Đức Trí: “*Giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông - vấn đề và định hướng giải pháp*”. *Tạp chí Giáo dục* số 146, tháng 9/2006.
3. Huỳnh Văn Sơn. “*Nhận thức của học sinh cuối cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông tỉnh Bình Dương về vai trò của hướng nghiệp và mức độ ảnh hưởng đến sự chọn của các em*”. *Tạp chí Giáo dục & Xã hội*, số 2(62), tháng 4/2011.